TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ NINH HÒA** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **54**/2024/DS-ST
Ngày: 08-7-2024
V/v: "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Hoàng Đạt**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Lê Thị Hoa**

Ông **Nguyễn Hữu Nam**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Anh** là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà **Lê Thị Bích Thảo** - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 118/2024/TLST-DS ngày 17 tháng 5 năm 2024 về việc *"Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2024/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Hồng S** – sinh năm 1960

Địa chỉ: TDP A, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

Đại diện theo ủy quyền: Bà **Dương Thị Trần Thu V** – sinh năm 1965

Địa chỉ: TDP A, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

(Theo Giấy ủy quyền lập ngày 13/6/2024 tại Văn phòng C, địa chỉ 26 N, phường N, thị xã N)

Bà V có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích và hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư **Nguyễn Văn P** – Văn phòng Luật sư Nguyễn Văn P thuộc Đoàn Luật sư tỉnh K.
L/s P có mặt

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Mỹ T** – sinh năm 1978 *(có mặt)*

Địa chỉ: TDP P, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Huỳnh Ngọc L** – sinh năm 1968 *(vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)*

Địa chỉ: TDP P, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

2. Ông **Trần Tuấn K** – sinh năm 1961*(vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)*

Địa chỉ: B T, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Dương Thị Trần Thu V trình bày:

Trong quá trình làm ăn, bà Trần Thị Hồng S có cho bà Nguyễn Thị Mỹ T mượn số hàng hóa, gồm có: 06 (sáu) vỏ ELF trị giá: 6v x 250.000đ/v = 1.500.000đ; 237 (hai trăm ba mươi bảy) vỏ màu trị giá: 237v x 235.000đ/v = 55.695.000đ và 01 (một) vỏ bò 45kg trị giá 1.200.000đ. Tổng trị giá là 58.395.000đ. Ngày 05/7/2019, bà T có viết Giấy nhận nợ số lượng hàng hóa trên. Ngày 20/3/2024, bà S đã thông báo cho bà T biết phải trả số lượng hàng hóa trên, thời hạn đến ngày 15/4/2024 nhưng bà T vẫn không trả. Do đó, bà S yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T phải trả một lần số lượng hàng hóa đã mượn gồm có 06 (sáu) vỏ ELF trị giá: 6v x 250.000đ =1.500.000đ; 237 (hai trăm ba mươi bảy) vỏ màu trị giá: 237v x 235.000đ/v = 55.695.000đ và 01 (một) vỏ bò 45kg trị giá 1.200.000đ. Tổng trị giá là 58.395.000đ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ T trình bày:

Bà thừa nhận có mượn của bà S số lượng hàng hóa là 06 (sáu) vỏ ELF trị giá: 6v x 250.000đ/v = 1.500.000đ; 237 (hai trăm ba mươi bảy) vỏ màu trị giá: 237v x 235.000đ/v = 55.695.000đ và 01 (một) vỏ bò 45kg trị giá 1.200.000đ. Tổng trị giá là 58.395.000đ theo như Giấy nhận nợ mà bà đã viết và ký xác nhận vào ngày 05/7/2019. Đối với yêu cầu của bà S đề nghị trả một lần số lượng hàng hóa trên quy thành tiền là 58.395.000đ thì bà đồng ý trả toàn bộ nhưng do bà đang gặp khó khăn về kinh tế nên bà đề nghị trả dần theo phương thức một tháng trả số tiền là 3.000.000đ cho đến khi trả hết khoản nợ. Bà có nhận thông báo nhắc nợ của bà S gửi nhưng do bà đang gặp khó khăn nên chưa trả được.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Tuấn K trình bày:

Ông là chồng của bà Trần Thị Hồng S, ông có biết việc bà S cho bà T mượn là 06 vỏ ELF; 237 vỏ màu và 01 vỏ bò 45kg, cũng như việc bà T có viết Giấy nhận nợ ngày 05/7/2019 nhưng ông xác định đây là khoản mượn hàng hóa trong quá trình làm ăn giữa bà S và bà T, ông không liên quan đến khoản mượn hàng hóa này.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Ngọc L trình bày:

Ông là chồng của bà Nguyễn Thị Mỹ T, việc bà T 06 vỏ ELF; 237 vỏ màu và 01 vỏ bò 45kg của bà S thì ông không biết. Ông không ký xác nhận theo

Giấy nhận nợ ngày 05/7/2019. Bà T không sử dụng số lượng hàng hóa đã mượn của bà S để đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình hoặc để tạo ra nguồn thu nhập chủ yếu của gia đình nên ông không có trách nhiệm trả các khoản nợ trên cùng với bà T.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử quy đổi giá trị hàng hóa thành tiền để yêu cầu bị đơn thanh toán.

Bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến và đồng ý quy đổi giá trị hàng hóa thành tiền để thanh toán.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa phát biểu như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử, các đương sự đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Qua quá trình nghiên cứu hồ sơ vụ án có căn cứ cho rằng: Bà S có cho bà T mượn 06 (sáu) vỏ ELF; 237 (hai trăm ba mươi bảy) vỏ màu và 01 (một) vỏ bò 45kg. Bà T có viết và ký xác nhận vào Giấy nhận nợ đề ngày 05/7/2019. Bà S yêu cầu bà T trả một lần số lượng hàng hóa trên. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Trần Thị Hồng S, buộc bà Nguyễn Thị Mỹ T phải trả một lần cho bà S 06 (sáu) vỏ ELF trị giá: 6v x 250.000đ/v = 1.500.000đ; 237 (hai trăm ba mươi bảy) vỏ màu trị giá: 237v x 235.000đ/v = 55.695.000đ và 01 (một) vỏ bò 45kg trị giá 1.200.000đ. Tổng trị giá là 58.395.000đ. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Ngọc L và ông Trần Tuấn K có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Xét thấy, yêu cầu của ông L và ông K là có căn cứ, phù hợp với khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự nên chấp nhận.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp: Đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án.

[1.3] Về thẩm quyền: Bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ T hiện đang cư trú tại TDP P, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa, do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thị xã Ninh Hoà theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Trong quá trình làm ăn, bà Trần Thị Hồng S có cho bà Nguyễn Thị Mỹ T mượn số lượng hàng hóa là 06 (sáu) vỏ ELF; 237 (hai trăm ba mươi bảy) vỏ màu và 01 (một) vỏ bò 45kg. Ngày 05/7/2019, bà T có viết và ký xác nhận vào Giấy nhận nợ số lượng hàng hóa trên. Ngày 20/3/2024, bà S đã thông báo cho bà T biết phải trả số lượng hàng hóa trên, thời hạn đến ngày 15/4/2024 nhưng bà T không trả. Do đó, bà S yêu cầu Tòa án buộc bà T phải trả một lần số lượng hàng hóa quy đổi thành tiền, gồm có: 06 (sáu) vỏ ELF trị giá: 6v x 250.000đ/v = 1.500.000đ; 237 (hai trăm ba mươi bảy) vỏ màu trị giá: 237v x 235.000đ/v = 55.695.000đ và 01 (một) vỏ bò 45kg trị giá 1.200.000đ. Tổng trị giá là 58.395.000đ.

[2.2] Bà T thừa nhận còn nợ bà S số lượng hàng hóa trên quy thành tiền là 58.395.000đ nhưng do đang gặp khó khăn trong cuộc sống nên bà đề nghị xin trả dần theo phương thức mỗi tháng trả 3.000.000đ cho đến khi hết các khoản nợ.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Hồng S và ý kiến của bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ T:

[3.1] Ngày 05/7/2019, bà Nguyễn Thị Mỹ T xác nhận nợ bà Trần Thị Hồng S số lượng hàng hóa là 06 (sáu) vỏ ELF; 237 (hai trăm ba mươi bảy) vỏ màu và 01 (một) vỏ bò 45kg và lập giấy nhận nợ; nội dung, hình thức giấy nhận nợ giữa các bên xác lập cơ bản phù hợp với quy định tại Điều 398 của Bộ luật dân sự 2015 nên Hội đồng xét xử xác định giấy nhận nợ này bản chất là hợp đồng mua bán tài sản theo quy định tại Điều 430, Điều 440 của Bộ luật Dân sự 2015.

[3.2] Bà S yêu cầu bà T trả một lần 06 (sáu) vỏ ELF trị giá: 6v x 250.000đ/v = 1.500.000đ; 237 (hai trăm ba mươi bảy) vỏ màu trị giá: 237v x 235.000đ/v = 55.695.000đ và 01 (một) vỏ bò 45kg trị giá 1.200.000đ. Tổng trị giá là 58.395.000đ và bà T thừa nhận còn nợ số lượng hàng hóa nêu trên và đồng ý trả toàn bộ khoản nợ. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do vậy, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên nên các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thoả thuận đã cam kết. Bà T không trả số lượng hàng hóa cho bà S là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên mua theo Điều 440 của Bộ luật Dân sự 2015. Do đó, bà S yêu cầu bà T phải trả một lần số lượng hàng hóa nêu trên quy đổi thành tiền 58.395.000đ là có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

[3.3] Bà T đề nghị được trả mỗi tháng với số tiền là 3.000.000đ cho đến khi hết khoản nợ nhưng không được bà S đồng ý nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà T.

[3.4] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của bà S đề nghị quy đổi giá trị của số lượng hàng hóa thành tiền tại thời điểm xét xử sơ thẩm để yêu cầu bà T thanh toán. Bà T đồng ý với yêu cầu của phía nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần ghi nhận sự tự nguyện thỏa

thuận giữa các bên. Theo đó, giá trị 06 (sáu) vỏ ELF trị giá: 6v x 250.000đ/v = 1.500.000đ; 237 (hai trăm ba mươi bảy) vỏ màu trị giá: 237v x 235.000đ/v = 55.695.000đ và 01 (một) vỏ bò 45kg trị giá 1.200.000đ. Tổng trị giá là 58.395.000đ. Như vậy, bà T phải trả cho bà S số tiền là 58.395.000đ.

[4] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Hồng S được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà S được chấp nhận nên bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định: 58.395.000đ x 5% = 2.919.750đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 430, Điều 440 của Bộ luật Dân sự 2015;
- Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 244, Điều 264, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Q.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Thị Hồng S:

Buộc bà Nguyễn Thị Mỹ T có nghĩa vụ hoàn trả một lần cho bà Trần Thị Hồng S số tiền 58.395.000đ (Năm mươi tám triệu ba trăm chín mươi lăm nghìn đồng chẵn). Thời gian thực hiện trả ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Quy định: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Mỹ T phải nộp 2.919.750đ (Hai triệu chín trăm mười chín nghìn bảy trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Trần Thị Hồng S số tiền 1.459.875đ (Một triệu bốn trăm năm mươi chín nghìn tám trăm bảy mươi lăm đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005803 ngày 07/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ninh Hòa.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

* Quy định chung: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã Ninh Hòa;
- Chi cục THA dân sự thị xã Ninh Hòa;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN– CHỦ TỌA PHIÊNTÒA

Nguyễn Hoàng Đạt